

Số: /QĐ-ATTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm
phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm**

CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế - Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Xét hồ sơ đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước của Công ty TNHH Eurofins sắc ký Hải Đăng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Công ty TNHH Eurofins sắc ký Hải Đăng - Địa chỉ: Lô E2b-3, Đường D6, Khu công nghệ cao, Phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các chỉ tiêu kỹ thuật trong Danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này.

Mã số cơ sở kiểm nghiệm: **16/2023/BYT-KNTP**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Công ty TNHH Eurofins sắc ký Hải Đăng có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Chi cục ATVSTP các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Ban Quản lý ATTP TP. HCM, Bắc Ninh, Đà Nẵng;
- Lưu: VT, KN..

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Đỗ Hữu Tuấn

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ATTP ngày..... tháng..... năm 2023
của Cục An toàn thực phẩm)

TT	Tên chỉ tiêu	Phạm vi áp dụng	Phương pháp	Giới hạn phát hiện (nếu có)/phạm vi đo
I. Chỉ tiêu hóa lý				
1.	Xác định hàm lượng tổng chất rắn hòa tan (TDS)	Nước uống đóng chai và nước khoáng thiên nhiên	SMEWW 2540C: 2017	LOD: 4 mg/l LOQ: 12 mg/l
2.	Xác định hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) – Phương pháp UV-VIS		EPA 350.02	LOD: 0,02 mg/l LOQ: 0,06 mg/l
3.	Xác định pH		TCVN 6492:2011	Phạm vi đo: 2-12
4.	Xác định chỉ số Permanganat		TCVN 6186:1996 ISO 8467:1993	LOD: 0,2 mg O ₂ /l LOQ: 0,6 mg O ₂ /l
5.	Xác định hàm lượng Cadimi (Cd), Chì (Pb), Arsen (As), Thủy ngân (Hg), Crom (Cr), Niken (Ni), Đồng (Cu), Mangan (Mn), Natri (Na) , Sắt (Fe), Kẽm (Zn), Antimo (Sb), Bari (Ba), Nhôm (Al), Selen (Se), Boron (B)		SMEWW 3125 B: 2017 SMEWW 3030E :2017	LOD: Cd, Hg: 0,0001 mg/l Pb, As, Cr, Ni: 0,001 mg/l Cu, Ba: 0,003 mg/l Mn, Zn: 0,01 mg/l Na: 0,3 mg/l Fe, Al: 0,020 mg/l Sb, Se: 0,0003 mg/l B: 0,002 mg/l LOQ: Cd, Hg: 0,0003 mg/l Pb, As, Cr, Ni: 0,003 mg/l Cu, Ba: 0,01 mg/l Mn, Zn: 0,04 mg/l Na: 0,9 mg/l Fe: 0,06 mg/l Al: 0,07 mg/l Sb, Se: 0,001 mg/l B: 0,006 mg/l
II. Chỉ tiêu vi sinh				
6.	Phát hiện và đếm vi khuẩn <i>Coliforms</i> và <i>Escherichia coli</i> – Phương pháp màng lọc	Nước uống đóng chai và nước đá dùng liền	ISO 9308-1:2014/ Amd.1:2016	LOD: Không áp dụng LOQ: Nước uống đóng chai: 1 CFU/250 ml; Nước đá: 1 CFU/250 g